

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/02/2023

V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng
và chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông LQ5g Kim Tuấn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Thành Nhật.

2. Ông Tạ Việt Hồng.

LQ9 ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân - LQ9 ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **147/2022/TLST- HNGĐ** ngày 23/12/2022 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **04/2023/QĐXXST-HNGĐ** ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản chung”, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Ma Văn NĐ – sinh năm 1972;

Địa chỉ: Xóm LS, xã CĐ, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Tày; Văn hóa: 05/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. *(Có mặt)*

* **Bị đơn:** Bà Nông Chi BĐ – sinh năm 1975

Địa chỉ: Xóm LS, xã CĐ, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Tày; Văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. *(Có mặt)*

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Ma Thị LQ1 – sinh năm 1945.

Địa chỉ: Xóm LS, xã CĐ, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

+ Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH huyện V.

Đại diện theo ủy quyền ông Phạm Thế H – Phó Giám đốc. *(Có mặt)*

+ Ông Nguyễn Đình LQ3; ông Nguyễn Văn LQ4; ông Nguyễn Linh LQ5; ông Nguyễn Văn LQ6; bà Nguyễn Thị LQ7; bà Nguyễn Vì LQ8.

Cùng địa chỉ: Xóm AT, xã TN, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

(Đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị LQ9.

Địa chỉ: Tổ dân phố Số 4, TT Đình Cả, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. *(Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Ma Văn NĐ trình bày:

Ông khởi kiện bà Nông Chi BĐ – Địa chỉ: Xóm LS, xã CĐ, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, lý do không công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản chung.

Ông và bà Nông Chi BĐ lấy nhau LQ5 toàn tự nguyện, được hai gia đình tổ chức theo phong tục địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Quá trình chung sống ông và bà BĐ có 02 con chung là chị Ma Thị F1, sinh ngày 03/11/1995 và chị Ma Thị F2, sinh ngày 10/6/1998.

Về tài sản chung: Ông và bà BĐ cùng với mẹ ông là bà Ma Thị LQ1 có 01 nhà sàn 20 cột diện tích 60m² tại xóm LS, xã CĐ, huyện V. Nhà sàn làm trên đất của bà Ma Thị LQ1, phần đất này đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho bà Ma Thị MA (mẹ đẻ bà LQ1 – đã chết);

Về nợ chung: Ông và bà BĐ nợ Ngân hàng CSXH huyện V số tiền 50.000.000 đồng. Ngoài ra ông bà không vay ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân mâu thuẫn hôn nhân: Do ông và bà BĐ sống chung không hòa hợp, không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc. Ông và bà BĐ đã ly thân từ tháng 05 năm 2022 đến nay.

Nay ông yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Nông Chi BĐ.

Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu chia làm 03 phần bằng nhau, ông, bà BĐ, bà LQ1 mỗi người một phần. Ông xin được lấy nhà và ở lại căn nhà này. Về nợ chung: Yêu cầu chia đôi, ông và bà BĐ mỗi người trả cho Ngân hàng CSXH một nửa.

*** Bị đơn bà Nông Chi BĐ trình bày:**

Bà bị ông Ma Văn NĐ – Địa chỉ: Xóm LS, xã CĐ, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, khởi kiện lý do không công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản chung.

Bà và ông Ma Văn NĐ lấy nhau LQ5 toàn tự nguyện, được hai gia đình tổ chức theo phong tục địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Quá trình chung sống bà và ông NĐ có 02 con chung là chị Ma Thị F1, sinh ngày 03/11/1995 và chị Ma Thị F2, sinh ngày 10/6/1998.

Về tài sản chung: Bà và ông NĐ cùng với mẹ ông là bà Ma Thị LQ1 có 01 nhà sàn 20 cột diện tích 60m² tại xóm LS, xã CĐ, huyện V. Nhà sàn làm trên đất của bà

Ma Thị LQ1, phần đất này đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho bà Ma Thị MA (mẹ đẻ bà LQ1 – đã chết);

Về nợ chung: Bà và ông NĐ nợ Ngân hàng CSXH huyện V số tiền 50.000.000 đồng. Ngoài ra ông bà không vay ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân mâu thuẫn hôn nhân: Bà và ông NĐ lấy nhau từ năm 1994 được sự đồng ý của hai bên gia đình, ban đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Sau một thời gian chung sống đến năm 2019 ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bản thân ông NĐ muốn sinh con trai nhưng bà lại không muốn đẻ nữa nên ông NĐ ghen tuông và nhiều lần đe dọa, đánh đập bà. Hiện nay bà và ông NĐ đã ly thân được khoảng 4 – 5 tháng nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông NĐ làm đơn.

Nay bà đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông NĐ. Về con chung các con nay đã trưởng thành và đã lập gia đình bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung bà yêu cầu chia làm 03 phần bằng nhau, bà, ông NĐ, bà LQ1 mỗi người một phần. Bà xin được nhận tài sản và ở lại căn nhà cùng bà LQ1.

Về nợ chung: Yêu cầu ông NĐ trả hết số nợ cho Ngân hàng CSXH huyện V.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị LQ1 trình bày:**

Bà là mẹ của ông Ma Văn NĐ. Bà Nông Chi BĐ là con dâu.

Ông NĐ, bà BĐ và bà có tài sản chung là 01 nhà sàn 20 cột diện tích 60m² tại xóm LS, xã CĐ, huyện V. Nhà sàn làm trên đất của bà, phần đất này đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho cụ bà Ma Thị MA (mẹ đẻ bà LQ1 – đã chết);

Mẹ bà là cụ bà Ma Thị MA chết năm 2002. Cụ bà Ma Thị MA chết không để lại di chúc. Trước khi chết cụ bà MA trú tại xóm LS, xã CĐ, huyện V. Cụ bà MA có 02 người con gồm bà Ma Thị LQ1 và bà Ma Thị No (đã chết không nhớ thời gian nhưng sau bà MA chết nhiều năm). Bà Ma Thị No có 07 người con, 03 gái 04 trai.

Nay ông NĐ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản chung với bà BĐ. Bà yêu cầu Tòa án chia nhà thành 03 phần bằng nhau, bà, ông NĐ, bà BĐ mỗi người một phần, bà yêu cầu Tòa án giao nhà cho bà quản lý sử dụng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đại diện Ngân hàng CSXH Việt Nam, Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH huyện V – ông Phạm Thế Vinh trình bày:** Ngày 11/6/2019 Ngân hàng có cho ông NĐ, bà BĐ vay số tiền 50.000.000 đồng theo chương trình Hộ mới thoát nghèo, hạn trả ngày 11/06/2024.

Tại phiên hòa giải ngày 10/02/2023, Ngân hàng có ý kiến do ông NĐ và bà BĐ yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, nên Ngân hàng yêu cầu ông NĐ và bà BĐ No đới trả cho Ngân hàng mỗi người một nửa là 25.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh khi đến hạn.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết nợ của ông NĐ, bà BĐ và Ngân hàng theo quy định.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình LQ3; ông Nguyễn Văn LQ4; ông Nguyễn Linh LQ5; ông Nguyễn Văn LQ6; bà Nguyễn Thị LQ7; bà Nguyễn Vi LQ8 và bà Nguyễn Thị LQ9 tại Biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt, đều trình bày:** Có mối quan hệ là con bác ruột của ông Ma Văn NĐ, còn bà BĐ là em dâu; Cụ bà Ma Thị MA có 02 con là bà Ma Thị No và bà Ma Thị LQ1, bà LQ1 có 01 con là ông Ma Văn NĐ. Bà Ma Thị No có 07 người con là Nguyễn Đình LQ3, Nguyễn Văn LQ4, Nguyễn Linh LQ5, Nguyễn Văn LQ6, Nguyễn Thị LQ7, Nguyễn Vi LQ8 và Nguyễn Thị LQ9. Cụ bà Ma Thị MA và bà Ma Thị No chết không để lại di chúc, cụ bà MA có đất đai đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất tại xóm LS, xã CĐ, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, hiện tại trên một phần đất này bà LQ1, ông NĐ và bà BĐ đang làm nhà trên đó. Quan điểm của các ông bà đều đề nghị Tòa án nhân dân huyện xem xét tạo điều kiện về nơi ở cho bà LQ1, nếu được thì giao nhà cho bà LQ1 quản lý, sử dụng là hợp tình, hợp lý. Các ông bà đều xác định không có tranh chấp về đất, đề nghị Tòa án không triệu tập tham gia tố tụng và được vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ma Văn NĐ, yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân đối với bà Nông Chi BĐ.

- Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Ma Văn NĐ và bà Nông Chi BĐ.

- Về con chung: Chị Ma Thị F1, sinh ngày 03/11/1995 và chị Ma Thị F2, sinh ngày 10/6/1998 đã trưởng thành và đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Xác định bà Ma Thị LQ1, ông Ma Văn NĐ, bà Nông Chi BĐ có 01 nhà sàn xây dựng năm 2007, cột vuông gỗ Nghiến diện tích 138,7m² tại xóm LS, xã CĐ, huyện V có trị giá 50.000.000 đồng; Nhà sàn làm trên đất của bà Ma Thị LQ1, phần đất này đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho bà Ma Thị MA (mẹ đẻ bà LQ1 – bà MA đã chết năm 2002). Giao căn nhà cho bà LQ1 quản lý sử dụng, bà LQ1 có trách nhiệm trích chia cho ông NĐ, bà BĐ mỗi người 1/3 giá trị căn nhà tương đương số tiền 16.666.000 đồng.

- Về nợ chung: Xác định ông Ma Văn NĐ và bà Nông Chi BĐ nợ Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH huyện V số tiền 50.000.000 đồng. Ông NĐ và bà BĐ phải No đói mỗi người phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 25.000.000 đồng gốc và lãi khi đến hạn.

- Về án phí: Ông NĐ phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Về án phí chia tài sản: Bà LQ1 phải chịu 833.400 đồng; bà BĐ, ông NĐ mỗi người phải chịu 833.300 đồng.

- Về chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình, về việc không công nhận quan hệ vợ chồng và chia tài sản chung.

[2] Về tư cách chủ thể: Ông Ma Văn NĐ khởi kiện bà Nông Chi BĐ nên ông Ma Văn NĐ là nguyên đơn, bà Nông Chi BĐ là bị đơn trong vụ án.

Ông NĐ và bà BĐ có nợ Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH huyện V. Ông NĐ yêu cầu chia tài sản chung có bà Ma Thị LQ1 cùng sở NĐ, tài sản chung làm trên phần đất của cụ bà Ma Thị MA (mẹ bà LQ1), bà MA chết năm 2002; Cụ bà Ma Thị MA có 02 con là bà Ma Thị LQ1 và bà Ma Thị No (bà No chết năm 2012), bà Ma Thị No có 07 người con là ông Nguyễn Đình LQ3; ông Nguyễn Văn LQ4; ông Nguyễn Linh LQ5; ông Nguyễn Văn LQ6; bà Nguyễn Thị LQ7; bà Nguyễn Vì LQ8 và bà Nguyễn Thị LQ9.

Do vậy, Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH huyện V, bà Ma Thị LQ1, ông Nguyễn Đình LQ3, ông Nguyễn Văn LQ4, ông Nguyễn Linh LQ5, ông Nguyễn Văn LQ6, bà Nguyễn Thị LQ7, bà Nguyễn Vì LQ8 và bà Nguyễn Thị LQ9 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Về yêu cầu của ông NĐ: Cuộc hôn nhân giữa ông NĐ và bà BĐ là LQ5 toàn tự nguyện, tuy nhiên không hợp pháp. Bởi lẽ, ông NĐ và bà BĐ đều xác định về chung sống với nhau nhưng không có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời Tòa án nhân dân huyện V tiến hành xác minh tại UBND xã CĐ, địa phương nơi ông NĐ, bà BĐ sinh ra và lớn lên, sinh sống đến ngày hôm nay xác định ông NĐ và bà BĐ không có đăng ký kết hôn.

Tiến hành xác minh tại xóm LS, xã CĐ, huyện V xác định ông NĐ và bà BĐ có xảy ra mâu thuẫn, đã sống riêng, xóm đã khuyên bảo nhưng ông NĐ và bà BĐ không đoàn tụ.

Xét cuộc hôn nhân giữa ông NĐ và bà BĐ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Xác định thời điểm ông NĐ và bà BĐ được tổ chức cưới hỏi và chung sống với nhau từ năm 1994 và đã có 02 con chung. Thời điểm năm 1994 áp dụng quy định của

Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, do vậy ông NĐ và bà BĐ lấy nhau không được UBND xã CĐ công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định đã vi phạm quy định tại Điều 8 của Luật này. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội V/v thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, ông NĐ, bà BĐ không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo hạn định. Sau ngày 01/01/2003 cho đến nay, ông NĐ, bà BĐ cũng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Từ những nhận định này, căn cứ Điều 9; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Ma Văn NĐ và bà Nông Chi BĐ.

[4] Về con chung: Ông NĐ và bà BĐ có 02 con chung là chị Ma Thị F1, sinh ngày 03/11/1995 và chị Ma Thị F2, sinh ngày 10/6/1998. Các con chung đã trưởng thành và đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung:

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định bà Ma Thị LQ1, ông Ma Văn NĐ, bà Nông Chi BĐ có 01 nhà sàn xây dựng năm 2007 có diện tích 138,7m² cột gỗ Nghiến (cột vuông) vách gỗ tạp, mái lợp ngói xi măng, sàn lát gỗ tạp tại xóm LS, xã CĐ, huyện V.

Nhà sàn nằm trên thửa đất số 0 tờ bản đồ số 0 đã được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận QSD đất ngày 04/02/1994 cho bà Ma Thị MA (mẹ đẻ bà LQ1 – bà MA đã chết năm 2002); Đối chiếu Bản đồ địa chính đo năm 2011 là Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 36 diện tích 1.756,9m². Căn nhà có trị giá 50.000.000 đồng.

Ý kiến của bà LQ1, ông NĐ, bà BĐ đều đề nghị chia căn nhà làm 03 phần bằng nhau và đều có nguyện vọng được nhận và ở lại căn nhà này.

Xét tính pháp lý của phần đất đang làm nhà, nguyện vọng của bà LQ1 và ý kiến của những người No quan khác, đồng thời xét bà LQ1 đã hết độ tuổi lao động, điều kiện để tạo dựng nơi ở mới không đảm bảo.

Từ những căn cứ nhận định này, cần giao căn nhà cho bà LQ1 quản lý sử dụng là hợp tình, hợp lý. Do bà LQ1 nhận khối tài sản chung của bà LQ1, ông NĐ, bà BĐ trị giá 50.000.000 đồng nên bà LQ1 có trách nhiệm trích chia cho ông NĐ, bà BĐ mỗi người 1/3 giá trị căn nhà tương đương số tiền 16.666.000 đồng, giá trị tài sản bà LQ1 thực nhận là 16.668.000 đồng.

[5] Về nợ chung:

Xác định ông Ma Văn NĐ và bà Nông Chi BĐ nợ Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH huyện V số tiền 50.000.000 đồng.

Ý kiến bà BĐ yêu cầu ông NĐ phải trả toàn bộ số nợ Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH huyện V.

Ý kiến ông ND yêu cầu ông và bà BD mỗi người trả cho Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH huyện V $\frac{1}{2}$ tương ứng 25.000.000 đồng tiền gốc và lãi khi đến hạn.

Về vấn đề trách nhiệm trả nợ: Xác định ông ND và bà BD nợ Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao dịch NHCSXH huyện V tổng số tiền 50.000.000 đồng hạn cuối cùng trả nợ là 11/6/2024. Khoản nợ này chưa đến hạn trả. Do chưa đến hạn nên Ngân hàng chưa có yêu cầu độc lập về việc trả nợ. Xét đây là khoản nợ chung của ông ND và bà BD, nên ông ND và bà BD đều có trách nhiệm như nhau đối với khoản nợ này. Vì khoản nợ chưa đến hạn và không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao dịch NHCSXH huyện V yêu cầu xác định trách nhiệm trả nợ của ông ND và bà BD đối với số tiền đã vay khi đến hạn. Từ những nhận định này, xác định nợ Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao dịch NHCSXH huyện V là nợ chung, ông ND và bà BD có trách nhiệm mỗi người trả một nửa gốc là 25.000.000 đồng và lãi phát sinh khi đến hạn.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng:

* Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và F2 phí Tòa án, ông Ma Văn ND phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định.

Về án phí chia tài sản: Bà LQ1 phải chịu 833.400 đồng; bà BD, ông ND mỗi người phải chịu 833.300 đồng tương ứng với phần tài sản được chia.

* Về chi phí tố tụng: Tòa án đã thu và chi hết 7.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Bà BD, ông ND và bà LQ1 mỗi người phải chịu 1/3 chi phí tố tụng. Ông ND đã nộp tạm ứng và chi hết, nay thu của bà BD, bà LQ1 mỗi người 2.333.000 đồng trả cho ông ND.

[7] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; 228; 238 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9; 14 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 209; 212 và 219 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và F2 phí Tòa án.

Tuyên xử:

1, Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Ma Văn NĐ và bà Nông Chi BĐ.

2, Về con chung: Ông Ma Văn NĐ và bà Nông Chi BĐ có 02 con chung là chị Ma Thị F1, sinh ngày 03/11/1995 và chị Ma Thị F2, sinh ngày 10/6/1998. Các con chung đã trưởng thành và đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3, Về tài sản chung: Giao cho bà Ma Thị LQ1 01 nhà sàn xây dựng năm 2007 có diện tích 138,7m² cột gỗ Nghiến (cột vuông) vách gỗ tạp, mái lợp ngói xi măng, sàn lát gỗ tạp tại xóm LS, xã CĐ, huyện V. Nhà nằm trên thửa đất số 0 tờ bản đồ số 0 đã được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận QSD đất ngày 04/02/1994 cho bà Ma Thị MA (mẹ đẻ bà LQ1 – bà MA đã chết năm 2002); Đối chiếu Bản đồ địa chính đo năm 2011 là Thửa đất số 158, Tờ bản đồ số 36 diện tích 1.756,9m². Căn nhà có trị giá 50.000.000 đồng.

Bà LQ1 có trách nhiệm trích chia cho ông NĐ, bà BĐ mỗi người 1/3 giá trị căn nhà tương đương số tiền 16.666.000 đồng, giá trị tài sản bà LQ1 thực nhận là 16.668.000 đồng.

4, Về nợ chung: Xác định ông Ma Văn NĐ và bà Nông Chi BĐ nợ Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao dịch NHCSXH huyện V tổng số tiền 50.000.000 đồng hạn cuối cùng trả nợ là 11/6/2024. Xác định trách nhiệm trả nợ: Ông NĐ và bà BĐ có trách nhiệm mỗi người trả một nửa gốc là 25.000.000 đồng và lãi phát sinh khi đến hạn.

5, Về án phí và chi phí tố tụng:

5.1. Về án phí: Ông Ma Văn NĐ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 833.300 đồng. Tổng cộng ông NĐ phải chịu 1.133.300 đồng án phí, được trừ vào số tiền 1.550.000 đồng tạm ứng án phí ông NĐ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số 0004989 ngày 23 tháng 12 năm 2022. LQ5 trả cho ông NĐ 416.700 đồng tạm ứng án phí.

Buộc bà Ma Thị LQ1 phải chịu 833.400 đồng án phí chia tài sản.

Buộc bà Nông Chi BĐ người phải chịu 833.300 đồng án phí chia tài sản.

5.2. Về chi phí tố tụng:

Bà Ma Thị LQ1 phải chịu 2.334.000 đồng, ông Ma Văn NĐ phải chịu 2.333.000 đồng và bà Nông Chi BĐ phải chịu 2.333.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông Ma Văn NĐ đã nộp tạm ứng và Tòa án chi hết, nay thu của bà Ma Thị LQ1 và bà Nông Chi BĐ để trả cho ông NĐ.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản

tiền phải thi hành thì còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về lãi xuất.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

5, Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn, có mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị LQ1, Ngân hàng CSXH Việt Nam – Phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH huyện V, vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình LQ3, ông Nguyễn Văn LQ4, ông Nguyễn Linh LQ5, ông Nguyễn Văn LQ6, bà Nguyễn Thị LQ7, bà Nguyễn Vì LQ8 và bà Nguyễn Thị LQ9. Đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện V;
- UBND xã CD;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

LQ5g Kim Tuấn